

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **Kinh tế số**

Chuyên ngành: **Kinh tế và Kinh doanh số**

Mã số: **73101xx**

Tên cơ sở đào tạo: **Học viện Chính sách và Phát triển**

Trình độ: **Đại học**

HÀ NỘI – NĂM 2020

MỤC LỤC

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH KINH TẾ SỐ Ở HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	2
1.1. Giới thiệu về Học viện Chính sách và Phát triển.....	2
1.2. Sự cần thiết mở ngành Kinh tế số - chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số đào tạo trình độ đại học	3
1.3. Sự khác biệt của ngành Kinh tế số tại Học viện Chính sách và Phát triển với các ngành Kinh tế khác.....	9
1.4. Kinh nghiệm đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số của các trường đại học và sự vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển	10
PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	20
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển	20
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	22
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	30
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	33
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	39
3.1. Mục tiêu đào tạo.....	39
3.2. Chuẩn đầu ra	41
3.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa	48
3.4. Đối tượng và phương thức tuyển sinh.....	48
3.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	49
3.6. Cách thức đánh giá (thang điểm)	49
3.7. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo.....	49
3.8. Nội dung chương trình.....	50
PHẦN 4: ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN	

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH KINH TẾ SỐ Ở HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu về Học viện Chính sách và Phát triển

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập ngày 04/01/2008 theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, là trường Đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là cơ quan trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP; Bằng tiếng Anh: APD
- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 37473186; Fax: (024) 37475217.
- Website: <http://apd.edu.vn>

Học viện xác định sứ mạng của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ về chính sách, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phân biện chính sách. Tầm nhìn đến năm 2030, Học viện sẽ trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu có uy tín trong nước và trong khu vực.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Học viện bao gồm các Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo tại các trường Đại học uy tín ở Việt Nam và nước ngoài. Để nâng cao tính thực tiễn trong đào tạo, Học viện đã mời các chuyên gia từ các Cơ quan quản lý Nhà nước, Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, giảng viên từ các Trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước tham gia giảng dạy. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu được trang bị đầy đủ và hiện đại.

Trong xu thế hội nhập quốc tế, Học viện đang triển khai nhiều chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Đại học Indiana, Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học tổng hợp bang California (Hoa Kỳ), Đại học Middlesex, Đại học Loughborough, Học viện ngoại giao London (Vương quốc Anh); Đại học Quốc tế Nhật Bản - IUJ, Viện Nghiên cứu chính sách công GRIPS (Nhật Bản); Đại học Nantes, Đại học Rennes 1; Đại học Rouen, Đại học Paris 1 Pantheon – Sorbonne, Trường Hành chính công quốc gia – ENA (Pháp); Đại học Southern Cross (Úc); Đại học tổng hợp Rome 2 (Ý), Học viện Anh ngữ EV (Philippines); Đại học Lausanne (Thụy Sĩ); Đại học MESSI (Nga), Đại học UTA (Phần Lan); Đại học Quốc gia Seoul

(Hàn Quốc); Trường Chính sách công Lý Quang Diệu (Singapore)...các tổ chức quốc tế như: KOICA, USAID, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam,...

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, ngày 29/06/2018, Học viện chính thức hoàn tất kiểm định chất lượng giáo dục và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo) cấp Giấy chứng nhận đạt chất lượng giáo dục theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt, ngày 08 tháng 10 năm 2020, Học viện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với 03 Ngành đào tạo trình độ đại học là: Kinh tế; Kinh tế quốc tế và Quản trị Kinh doanh. Các kết quả kiểm định trên đã khẳng định vị thế, uy tín, chất lượng đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển và là đòn bẩy quan trọng giúp Học viện cải tiến, hướng tới tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế trong giai đoạn 2020 - 2025.

1.2. Sự cần thiết mở ngành Kinh tế số - chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số đào tạo trình độ đại học

Học viện Chính sách và Phát triển quyết tâm phát triển ngành Kinh tế số, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số đào tạo trình độ đại học xuất phát từ các lý do sau:

Một là, chuyển đổi số là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay

Trên thế giới, chuyển đổi số đã được nhắc đến như một xu hướng tất yếu. Chính phủ và nhiều doanh nghiệp lớn đã và đang sử dụng công nghệ số để thúc đẩy nâng cao hiệu quả và phát triển tạo ra giá trị mới nhằm tăng cường sự hài lòng của khách hàng cũng như tìm kiếm thị trường mới.

Sự xuất hiện và “thống trị” toàn cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 đang đặt ra cho mỗi tổ chức và doanh nghiệp những thách thức hoàn toàn mới để tồn tại và duy trì, phát triển. Chỉ cần chậm chân trong cuộc đua chuyển đổi số, mỗi doanh nghiệp đều có thể nhanh chóng bị đào thải khỏi nền kinh tế, nhường chỗ cho những “cá thể” linh hoạt và nhạy bén hơn.

Những lợi ích dễ nhận biết nhất của chuyển đổi số đối với mỗi tổ chức, doanh nghiệp đó là cắt giảm chi phí vận hành, tiếp cận được nhiều khách hàng hơn trong thời gian dài hơn, lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn nhờ hệ thống báo cáo thông suốt kịp thời, tối ưu hóa được năng suất làm việc của nhân viên... những điều này giúp tăng hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp được nâng cao.

Tại Việt Nam, hơn 30 năm qua, chúng ta đã và đang chứng kiến 03 làn sóng công nghệ, mỗi làn sóng kéo dài khoảng 15 năm.

- ❖ Làn sóng thứ nhất, từ năm 1985 đến năm 1999, gắn với sự phổ biến của máy vi tính, có thể tạm gọi là làn sóng số hóa thông tin, chuyển các tài liệu từ bản giấy sang bản điện tử.
- ❖ Làn sóng thứ hai, từ năm 2000 đến năm 2015, gắn với sự phổ biến của internet, điện thoại di động và mạng viễn thông di động, có thể tạm gọi là làn sóng số hóa quy trình nghiệp vụ, tin học hóa các quy trình nghiệp vụ để nâng cao năng suất, hiệu quả.
- ❖ Làn sóng thứ ba, được cho là từ năm 2015 và dự báo kéo dài đến năm 2030, gắn với sự phát triển đột phá của công nghệ số, có thể tạm gọi là làn sóng chuyển đổi số, đưa toàn bộ hoạt động xã hội thực lên không gian mạng, từ môi trường truyền thông lên môi trường số.

Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 (CMCN 4.0) với nhóm công nghệ số cốt lõi là: trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing), robot tự hành, mô phỏng AR/AV, tính toán lượng tử...; Đây có thể coi là những công nghệ tiên phong về công nghệ số trong Thế kỷ 21, vậy để việc tiếp cận và làm chủ được công nghệ cần bắt tay vào công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ về công nghệ số sẵn sàng đưa công nghệ số vào ứng dụng thực tiễn.

Hai là, xuất phát từ nhu cầu nguồn nhân lực cho công cuộc chuyển đổi số và phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam ngày càng lớn

Để đảm bảo thực thi công cuộc chuyển đổi số trong 03 trụ cột (i) Chính phủ số, (ii) Kinh tế số, (iii) Xã hội số ngoài đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, triển khai các giải pháp kỹ thuật tiên tiến thì việc đầu tư đào tạo, phát triển nguồn lực làm chủ công nghệ số đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là nguồn nhân lực chuyển đổi số có kỹ năng, kiến thức công nghệ số.

Nguồn nhân lực chuyển đổi số và phát triển Kinh tế số ở Việt Nam bao gồm từ người lãnh đạo cơ quan tổ chức có vai trò định hướng, dẫn dắt tổ chức chuyển đổi mô hình hoạt động hướng khách hàng, sử dụng nền tảng công nghệ số để điều hành và ra quyết định trên dữ liệu được phân tích từ hệ thống công nghệ thông tin. Chuyên gia chuyển đổi số có vai trò giám sát triển khai các giải pháp công nghệ số trong tổ chức từ quá trình lựa chọn tính năng kỹ thuật đến giám sát hoặc triển khai ứng dụng vào

thực tiễn, chịu trách nhiệm vận hành và quản trị hệ thống các nền tảng, ứng dụng công nghệ số trong tổ chức,... Người sử dụng là đội ngũ nhân lực sử dụng và khai thác tính năng nghiệp vụ của các nền tảng, ứng dụng công nghệ số phục vụ các hoạt động của tổ chức.

Nghiên cứu của Đại học Oxford và Tập đoàn tư vấn McKinsey (Mỹ) đưa ra dự báo về việc 50% số công việc tại các nước phát triển sẽ được thay thế bởi quy trình tự động hóa trong 15 năm tới. Tỷ lệ này cao hơn ở các nước đang phát triển như Việt Nam vì có lợi thế cạnh tranh về giá trị gia tăng của lực lượng lao động trong nước so với mức trung bình của thế giới. Hơn nữa, theo ông Shanmuga Retnam, Phó chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam cho rằng, để đạt được mục tiêu GDP bình quân đầu người năm 2030 ít nhất là 18.000 USD (theo giá PPP năm 2011) và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, Việt Nam phải khơi thông nguồn lực và tăng cường kết nối trong quá trình chuyển đổi kinh tế số. Các nước như Anh, Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Đức... đã tận dụng và nắm bắt được cơ hội ngay từ cuộc CMCN lần thứ 2 để phát triển; Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ... đã nắm bắt được cơ hội ở cuộc CMCN lần thứ 3 để vươn lên... Việt Nam hoàn toàn có thể nhận diện và nắm bắt được thời cơ để vươn lên thành “con rồng, con hổ” của châu Á và thế giới trong thế kỷ 21 nếu biết tận dụng những cơ hội và vượt qua thách thức của cuộc CMCN 4.0.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số cho cơ quan Nhà nước như sau:

Trung bình mỗi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần khoảng 7 cán bộ chuyển đổi số (01 Lãnh đạo, 02 cán bộ chuyên trách; 04 công chức, viên chức và người lao động). Như vậy, 63 UBND tỉnh, thành phố cần khoảng 441 cán bộ chuyển đổi số.

+ Trung bình mỗi UBND các quận, huyện cần khoảng 05 cán bộ chuyển đổi số (01 Lãnh đạo, 01 cán bộ chuyên trách, 03 công chức, viên chức và người lao động), như vậy 707 UBND quận, huyện cần khoảng 3535 cán bộ chuyển đổi số.

+ Trung bình mỗi Sở Thông tin và Truyền thông tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần khoảng 07 cán bộ chuyển đổi số, như vậy 63 Sở Thông tin và Truyền thông cần khoảng 441 cán bộ chuyển đổi số. Trung bình mỗi sở, ngành khác

tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần khoảng 05 chuyên gia, như vậy 882 sở, ngành trên cả nước cần khoảng 4.410 cán bộ chuyển đổi số.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông cần khoảng 123 cán bộ chuyển đổi số, trung bình mỗi Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cần khoảng 50 cán bộ chuyển đổi số. Do đó, 21 bộ, ngành và Bộ Thông tin và Truyền thông cần khoảng 1.050 cán bộ chuyển đổi số.

Như vậy, để đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực chuyển đổi số, đến năm 2025 cả nước cần đào tạo khoảng 10.000 cán bộ chuyển đổi số.

Ngoài ra, Việt Nam có khoảng trên 300.000 tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 109 tổng công ty, tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn của nhà nước và khoảng 60 ngân hàng, với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin như hiện nay, ước tính Việt Nam trong thời gian vài ba năm tới đây, chúng ta cần tối thiểu khoảng 3.000 chuyên gia để đảm bảo chuyển đổi số cho các hệ thống thông tin của riêng các ngân hàng và tổng công ty, tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn của nhà nước.

Do đó, nhu cầu đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số mà Chính phủ Việt Nam đặt ra đến năm 2025, tầm nhìn 2030 ngày càng trở nên cấp bách và đây cũng là trách nhiệm, sứ mệnh của các trường đại học của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, xuất phát từ xu hướng lựa chọn ngành nghề của giới trẻ

Chọn ngành nghề nào vừa phù hợp với năng lực, sở thích và có nhiều cơ hội tìm được việc làm ổn định sau khi ra trường là mục tiêu đầu tiên phải hướng đến. Lựa chọn đúng nghề nghiệp phù hợp với bản thân sẽ là cơ hội cho sự phát triển nên nó có tầm ảnh hưởng rất nhiều đến sự thành công và định hướng tương lai của các em học sinh. Bởi vì ngành nghề mà các em đã chọn có thể sẽ là nghề gắn bó suốt đời nên mọi vấn đề đời sống sinh hoạt sẽ bị nghề nghiệp tác động nhiều hay ít. Nếu người học được chọn đúng nghề có đam mê sẽ có nhiệt huyết với công việc, ngược lại nếu chẳng may lựa chọn sai nghề sẽ dễ dẫn đến chán nản, không có hứng thú làm việc và có thể bỏ nghề.

Giới trẻ Việt Nam ngày nay có cơ hội để học tập giao lưu, tiếp cận với nhiều nguồn thông tin, do vậy tiêu chuẩn lựa chọn nghề nghiệp với 5 đặc điểm chính như sau:

- Việc làm phải phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân.
- Thu nhập ổn định

- Thời gian làm việc phải hợp với hoàn cảnh thực tế của cá nhân
- Cơ hội thăng tiến
- Địa vị xã hội

Lựa chọn nghề nghiệp liên quan đến Kinh tế và Công nghệ là một trong những hướng đi thực tế được nhiều bạn trẻ lựa chọn trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hiện nay. Việc theo học một ngành nghề yêu thích, phù hợp với thời đại mới giúp giới trẻ cơ hội việc làm rộng mở hơn. Do đó, lựa chọn công việc liên quan đến lĩnh vực Kinh tế số có thể giúp giới trẻ tự tin để bước đến thành công trong sự nghiệp của mình.

Bốn là, xuất phát từ xu thế đào tạo trình độ đại học trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh số trên thế giới

Hiện tại, trên thế giới đã có rất nhiều trường đại học trên thế giới đào tạo các khóa học ngắn hạn hay chương trình cao học về kinh tế số và chuyển đổi số cho doanh nghiệp ở các đại học hàng đầu thế giới như MIT (Hoa Kỳ), Monash (Australia), King's College London (Vương quốc Anh), Đại học Toulouse 1 (Pháp),... Đặc biệt, việc đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế số hay kinh doanh số cũng được nhiều trường thực hiện như:

+ Đại học Latrobe, Đại học RMIT (Australia) đào tạo chương trình cử nhân kinh doanh số (Bachelor of Digital Business), học trong 3 năm với kết cấu chương trình và các môn học có thể tham khảo tại website RMIT: <https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-digital-business#overview> hoặc website của Đại học Latrobe: <https://www.latrobe.edu.au/courses/bachelor-of-digital-business>;

+ Đại học NORD (Na Uy) đào tạo chương trình cử nhân kinh tế số và quản lý (Bachelor of Digital Economy and Organization) với thời lượng đào tạo là với 180 tín chỉ trong 4 năm học. Thông tin chi tiết về chương trình học xem tại website của trường: <https://www.nord.no/en/Student/study-plans/2019h/Pages/INSBA.aspx#&acd=h-52105e0a-00da-477a-8a5e-ba1ab07a4919>

+ Đại học công nghệ Băng Cốc (Thái Lan) đào tạo chương trình cử nhân khoa học thông tin trong nền kinh tế số với thời gian học 4 năm, tương ứng với 8 học kỳ. Thông tin chi tiết về khóa học tại website: https://www.it.kmutnb.ac.th/?page_id=7810;

+ Đại học Brunei (Brunei Darussalam) đào tạo chương trình cử nhân kinh tế số (BSc in Digital Economy) với thời gian học 4 năm, mỗi năm 2 học kỳ. Thông tin chi tiết về khóa học có thể tham khảo tại website: <https://ubd.edu.bn/c3l/bsc-in-digital-economy.html>;

+ Đại học quốc tế Berlin (CHLB Đức) đào tạo chương trình cử nhân quản lý và kinh doanh số (Bachelor of Digital Business and Management), học trong 4 năm với 8 học kỳ. Thông tin về khóa học chi tiết tại website: <https://berlin-international.de/en/programs/digital-business-and-management>.

+ Tại Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế quốc dân là trường tiên phong đào tạo cử nhân Kinh doanh số (Digital Business) bằng tiếng Anh nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, am hiểu các kiến thức cơ bản, hiện đại về quản trị kinh doanh, có kiến thức nền tảng và kỹ năng vận dụng các phương pháp tiếp cận và công cụ số trong quản trị các tổ chức kinh doanh, có năng lực tiếng Anh để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu và bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế quốc dân được thiết kế 139 tín chỉ với 8 học kỳ. Thông tin chi tiết về chương trình đào tạo có thể xem tại website: <https://bsneu.neu.edu.vn/chuong-trinh/chuong-trinh-e-bdb/>.

Như vậy, trong bối cảnh CMCN 4.0, lợi thế cạnh tranh lớn nhất không phải tài nguyên hay vị trí địa lý mà là con người. Ai có nhân tài, sẽ nắm trong tay lợi thế cạnh tranh và phát triển trong thời đại mới. Các trường đại học ở Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển con người và đổi mới mạnh mẽ giáo dục để trang bị kiến thức, phát huy năng lực sáng tạo và kỹ năng, tầm nhìn cho người học trong thời đại số này. Đặc biệt là các cơ sở đào tạo đại học khối kinh tế những yêu cầu bức thiết phải đổi mới chương trình, nội dung, phương thức đào tạo nhằm bắt kịp xu thế phát triển đào tạo đại học của thế giới. Vì vậy, việc mở ngành đào tạo Kinh tế số sẽ là một xu hướng tất yếu cho các trường đại học của Việt Nam.

Năm là, xuất phát yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và khả năng đào tạo của Học viện Chính sách & Phát triển trong lĩnh vực kinh tế số

Ngày 03/12/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tổ chức Lễ công bố Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng nhấn mạnh, đổi mới sáng tạo là con đường tất yếu của các quốc gia nếu muốn phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, nhất là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong đó, thúc đẩy

chuyển đổi số là một trong những nội dung quan trọng của đổi mới sáng tạo. Đây cũng là con đường hiệu quả nhất, ngắn nhất và nhanh nhất để giúp doanh nghiệp Việt Nam có thể đuổi kịp, bắt kịp và vươn lên. Do đó, Bộ trưởng đã chỉ đạo Học viện Chính sách và Phát triển cần phải luôn đột phá đào tạo những ngành nghề mới, đi trước xu hướng đào tạo của các trường đại học khác ở Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu đào tạo những cử nhân ngành Kinh tế số, chuyên ngành *Kinh tế và Kinh doanh số*, Học viện có đội ngũ giảng viên cơ hữu là những Phó giáo sư, Tiến sĩ, chuyên gia trong lĩnh vực dữ liệu lớn (Big data), học máy và trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, công nghệ tài chính (Fintech), thương mại điện tử và thanh toán điện tử,... Ngoài ra, Học viện Chính sách và Phát triển đã cộng tác với các chuyên gia và giảng viên đến từ Viện Công nghệ thông tin – Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, Tập đoàn Viettel, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính,... Thêm vào đó, với cơ sở mới khang trang khoảng 100 phòng học tại Khu đô thị Nam An Khánh và hệ thống dữ liệu lớn phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì các học viên sẽ được tận hưởng những dịch vụ tốt nhất cho quá trình học tập, nghiên cứu của mình.

Như vậy, việc Học viện Chính sách và Phát triển mở ngành đào tạo Kinh tế số là hết sức cần thiết và hoàn toàn khả thi trong giai đoạn hiện nay. Đất nước chúng ta ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới nên việc xây dựng một xã hội học tập và kiến tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi thành phần trong xã hội là điều cấp thiết hiện nay. Học viện Chính sách và Phát triển sẽ là một cầu nối cho những ai thực sự khao khát tri thức và mong muốn hoàn thiện kiến thức của mình. Học viện luôn chào đón, sẵn sàng trao cơ hội học tập và cùng chia sẻ tri thức cho tất cả mọi người, bất cứ khi nào và bất kỳ nơi đâu.

1.3. Sự khác biệt của ngành Kinh tế số tại Học viện Chính sách và Phát triển với các ngành Kinh tế khác

Ngành Kinh tế số là ngành học gồm 2 phần kiến thức: Kiến thức công nghệ số và kiến thức kinh tế. Kiến thức công nghệ số là kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế. Kiến thức kinh tế là kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tài chính, quản trị kinh doanh và thương mại quốc tế. Ngoài ra, còn có kiến thức về hệ sinh thái kinh tế số làm cầu nối giữa công nghệ và kinh tế như: Lý thuyết kinh tế số, chuyển đổi số, các mô hình kinh doanh số, công nghệ tài chính, marketing số,...

Trong khi đó, các ngành học về Kinh tế và Kinh doanh truyền thống mới chỉ trang bị kiến thức sâu về kinh tế, kinh doanh, tài chính, ngân hàng mà chưa trang bị nhiều cho người học kiến thức về công nghệ số và hệ sinh thái kinh tế số.

Các ngành học gần với Kinh tế số như Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin quản lý,... là ngành học bao gồm kiến thức về công nghệ số và kiến thức về chuyên ngành liên quan đến kinh tế, kinh doanh. Tuy nhiên, các ngành học này còn thiếu kiến thức về hệ sinh thái kinh tế số. Có thể coi đây là các chuyên ngành của Kinh tế số.

Với các ngành học như Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin... là các ngành học trang bị các kiến thức sâu về công nghệ nhưng rất ít kiến thức về kinh tế, kinh doanh và hệ sinh thái kinh tế số.

Do đó, đào tạo nhân lực cho ngành Kinh tế số là yêu cầu thiết yếu đáp ứng nhân lực cho nền kinh tế số, cho công cuộc chuyển đổi số của Việt Nam trong giai đoạn 2020 - 2030 mà chưa ngành học nào đáp ứng được. Các ngành học như đã trình bày trên chỉ đáp ứng được một phần kiến thức của nền kinh tế số, để có đáp ứng được yêu cầu làm việc trong một xã hội số, một nền kinh tế số phát triển như Việt Nam hiện nay rất cần mở ngành đào tạo về Kinh tế số tại các cơ sở giáo dục đại học.

1.4. Kinh nghiệm đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số của các trường đại học và sự vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển

Hiện nay, việc đào tạo cử nhân liên quan đến lĩnh vực kinh tế số hoặc kinh doanh số của các trường đại học trên thế giới đã được triển khai trong một vài năm qua. Trong đó phổ biến hơn là đào tạo cử nhân về kinh doanh số. Cụ thể, theo số liệu tổng hợp được của nhóm đề án mở ngành của Học viện Chính sách và Phát triển thì có một số trường đại học trong nước và quốc tế như sau:

1.4.1 Chương trình đào tạo cử nhân kinh doanh số của Trường kinh doanh Châu Âu (EU Business School)

EU Business School là một trường tư thục chuyên đào tạo về kinh doanh nổi tiếng tại châu Âu với các chi nhánh được đặt tại Geneva và Moutreux (Thụy Sĩ), Barcenola (Tây Ban Nha) hay Munich (Đức).

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh số được đề cập dưới đây được đào tạo tại chi nhánh Geneva Thụy Sĩ. Chương trình kéo dài sáu hoặc bảy học kỳ, ba năm (tương ứng 210 hoặc 240 tín chỉ). Sinh viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo của mình để tốt nghiệp sớm hơn bằng cách tham gia các học kỳ mùa hè. Thông qua chương trình này, các cử nhân kinh doanh số của tương lai sẽ phát triển các kỹ năng, khả năng

thích ứng và sự nỗ lực để không chỉ bắt kịp với những tiến bộ công nghệ mà còn đổi mới trong tư duy và thúc đẩy thay đổi quan niệm về kinh doanh trong sự nghiệp của mình.

Cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau tốt nghiệp cũng vô cùng phong phú, trong đó kể đến các ngành nghề như:

- Khởi nghiệp số
- Marketing số
- Quản lý đổi mới sáng tạo số
- Công nghệ thông tin

Khung chương trình Kinh doanh số trong 3 năm được xây dựng như sau:

- Học kỳ 1: 30 tín chỉ cho 8 môn và 1 chuyên đề. Tại học kỳ này sinh viên chủ yếu làm quen với các môn học nền tảng của Kinh tế học như Kinh tế vi mô, Quản trị kinh doanh, kế toán và Marketing. Đồng thời sinh viên được làm quen với các môn liên quan đến công nghệ thông tin ở mức độ nhập môn. Ngoài ra sinh viên còn được củng cố kiến thức toán học và thống kê.
- Học kỳ 2: 30 tín chỉ cho 8 môn và 1 chuyên đề. Học kỳ này sinh viên tiếp tục được giảng dạy sâu hơn đối với Kinh tế vĩ mô, kế toán và luật kinh doanh. Ngoài ra sinh viên tiếp tục được củng cố kiến thức toán. Điểm mới trong học kỳ này đó là sinh viên bắt buộc phải học đạo đức kinh doanh, gắn liền với các môn toán tài chính, ứng dụng thống kê trong quản lý, đặc biệt là làm quen với môn Quảng cáo, truyền thông và thương hiệu (đây là môn học giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và thực tiễn chính làm nền tảng cho việc quảng cáo và truyền thông thương hiệu).
- Học kỳ 3: 30 tín chỉ cho 8 môn và 2 chuyên đề (trong đó có 1 chuyên đề tự chọn). Học kỳ này sinh viên tập trung cho nghiên cứu các môn quản trị bao gồm như quản trị hệ thống thông tin, quản trị nhân lực và quản trị sản xuất. Để bổ trợ cho các học phần thiên hướng quản trị trên thì sinh viên cũng được đào tạo về chiến lược marketing, đây là môn học giúp sinh viên tìm hiểu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch marketing chiến lược trong kế hoạch kinh doanh tổng thể.
- Học kỳ 4: 30 tín chỉ cho 8 môn và 1 chuyên đề. Học kỳ này được coi như một học kỳ mang tính bước ngoặt khi sinh viên bắt đầu đi sâu vào chuyên ngành kinh tế số với các kiến thức được trang bị như: kinh tế toàn cầu, thị trường tài chính, tài chính kinh doanh và đặc biệt môn quản lý mua và bán. Môn học quản lý mua và bán là môn học tối ưu hóa chi phí, toàn cầu hóa và hiệu quả nguồn lực. Môn học tập trung vào các mối quan hệ giữa Doanh nghiệp với Doanh nghiệp (B2B).

- Học kỳ 5: 30 tín chỉ cho 9 môn và 1 chuyên đề. Học kì này sinh viên sẽ được học các chương trình nâng cao liên quan đến kỹ thuật số và dữ liệu bao gồm các học phần: Nhập môn khoa học dữ liệu (môn này nhằm giới thiệu các nguyên tắc cơ bản của khoa học dữ liệu và hướng dẫn sinh viên qua “tư duy phân tích dữ liệu” cần thiết để rút ra kiến thức hữu ích và giá trị kinh doanh từ dữ liệu), Chuyển đổi kỹ thuật số, Khởi nghiệp kỹ thuật số (trong môn học này, sinh viên sẽ tìm hiểu rằng các doanh nghiệp kỹ thuật số được đặc trưng bởi cường độ sử dụng công nghệ kỹ thuật số mới (đặc biệt là các giải pháp xã hội, di động, phân tích và đám mây) để cải thiện hoạt động kinh doanh, phát minh ra các mô hình kinh doanh (kỹ thuật số) mới, nâng cao trí tuệ kinh doanh và tương tác với khách hàng và các bên liên quan thông qua các kênh mới (kỹ thuật số).
- Học kỳ 6: 30 tín chỉ cho 9 môn và 1 chuyên đề. Đây là học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo, do vậy đây là học kỳ hỗ trợ sinh viên tiếp xúc dần với các tình huống thực tiễn thông qua các môn học thiên hướng về thiết kế, tài chính và quản trị, cũng là các môn để sinh viên định hình rõ nét hơn về nghề nghiệp sau khi ra trường. Điển hình là 3 môn học: tài chính số, thiết kế web và phân tích web, thiết kế quản lý đồ họa. Điểm đặc biệt trong học kỳ cuối cùng này là các khóa học độc lập về khởi nghiệp và marketing.

1.4.2. Chương trình đào tạo cử nhân kinh tế số và tổ chức của Đại học NORD (Na Uy)

Chương trình cử nhân kinh tế số và tổ chức (Bachelor of Digital Economy and Organization) của Trường Đại học NORD tập trung đào tạo cho sinh viên các học phần liên quan đến kế toán, kinh doanh, quản trị, kinh tế xã hội, phương pháp luận và các môn học về công nghệ thông tin & truyền thông. Chương trình là một chương trình toàn thời gian, sinh viên học tập trung ở trường trong 06 Học kỳ tương ứng với 3 năm học. Tất cả các khóa học đều có nền tảng học tập kỹ thuật số riêng. Hình thức học tập và làm việc sẽ dựa trên định hướng nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Một số môn học chuyên ngành điển hình của chương trình đào tạo này là: Mô hình hóa dữ liệu (Data modeling); Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô, Các mô hình kinh doanh (Business modeling); Tài chính và đầu tư (Finance and investment); An toàn thông tin (Information security); Hệ thống thông tin quản lý (Organization and system management),...

1.4.3. Chương trình đào tạo cử nhân kinh doanh số của Đại học RMIT (Australia)

Chương trình cử nhân kinh doanh số (Bachelor of Digital Business) của Trường Đại học RMIT sẽ chuẩn bị cho sinh viên sự nghiệp trong kỷ nguyên kỹ thuật số, trong

đó chuyển đổi công nghệ tiếp tục truyền cảm hứng cho sự thay đổi trên tất cả các ngành. Chương trình giảng dạy bao gồm các lĩnh vực chính của kinh doanh đương đại và kết hợp chiến lược và quản trị công nghệ thông tin, công nghệ tài chính, chuyển đổi kinh doanh kỹ thuật số và sáng tạo, đổi mới và thiết kế. Chương trình đào tạo này sẽ áp dụng các công cụ được sử dụng trong ngành và phát triển các kỹ năng và tư duy thiết yếu sẽ giúp sinh viên định vị bản thân cho sự nghiệp đi đầu trong các xu hướng, ứng dụng và nguyên tắc kỹ thuật số thay đổi nhanh chóng. Một số môn học chuyên ngành điển hình của chương trình đào tạo này là: Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô; Marketing số (Digital Marketing); Chiến lược và quản trị hệ thống thông tin (Information Systems Strategy and Governance); Đổi mới và sáng tạo (Sáng tạo, đổi mới và thiết kế); Chuyển đổi mô hình kinh doanh số (Digital Business Transformation); Lãnh đạo và ra quyết định (Leadership and Decision Making),...

1.4.4. Chương trình đào tạo cử nhân tế số của Đại học Brunei Darussalam (top 400 thế giới)

Chương trình cử nhân kinh tế số (Bachelor in Digital Economy) của Đại học Brunei Darussalam kết hợp giữa bốn lĩnh vực khác nhau; 1) Kinh doanh & Quản lý; 2) Tinh thần kinh doanh; 3) Công nghệ kỹ thuật số; 4) Hiểu biết về Tài chính. Các lĩnh vực chuyên môn (là tùy chọn chính) sẽ cung cấp các tùy chọn tập trung hơn cho sinh viên lựa chọn (tức là các lĩnh vực Đa ngành; Kinh doanh & Quản lý; Doanh nhân; Công nghệ kỹ thuật số và hiểu biết tài chính; hoặc Các ngành sáng tạo; Du lịch, Khách sạn và Môi trường và dịch vụ cho người Hồi giáo). Một số học phần tùy chọn chính sẽ là các học phần tích hợp (tức là các quan điểm Hồi giáo sẽ được tích hợp trong kinh doanh và quản lý, khởi nghiệp, ngân hàng và tài chính). Chương trình Cử nhân Kinh tế số là một chương trình toàn thời gian kéo dài 4 năm với 2 học kỳ trong một năm hoặc như một chương trình bán thời gian lên đến 10 năm (tối đa) với 1 hoặc 2 học kỳ trong một năm. Sinh viên phải học tổng cộng 29 mô-đun và 2 dự án dựa trên công việc trước khi nộp đơn để tốt nghiệp. Một số học phần chuyên ngành chính trong chương trình đào tạo trình độ đại học này là: Quản lý Marketing (Marketing Management); Hệ thống thông tin Kinh doanh (Business Information System); Thương mại điện tử (Electronic Business); Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (Innovation & Entrepreneurship); Thiết kế đồ họa và trực quan hóa truyền thông (Graphic Design & Visual Communication); Lập trình cơ bản (Programming Fundamentals); Kế toán và Kiểm toán,...

1.4.5. Chương trình cử nhân Kinh doanh số của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (Việt Nam)

Chương trình cử nhân Kinh doanh số đào tạo bằng tiếng Anh của Trường Đại học Kinh tế quốc dân cung cấp nguồn nhân lực quản trị kinh doanh chất lượng cao, am hiểu các kiến thức cơ bản, hiện đại về quản trị kinh doanh, có kiến thức nền tảng và kỹ năng vận dụng các phương pháp tiếp cận và công cụ số trong quản trị các tổ chức kinh doanh, có năng lực tiếng Anh để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà quản trị trong nền kinh tế số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Một số học phần chuyên ngành chính trong chương trình đào tạo trình độ đại học này là: Quản trị chiến lược; Quản trị vận hành; Quản trị nhân lực; Quản trị tài chính; Luật kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Lý thuyết dữ liệu lớn; Quản trị hệ thống CSDL; Bán lẻ trực tuyến; Công nghệ web; Mạng máy tính và truyền số liệu; Bảo mật và an ninh mạng; Khởi sự doanh nghiệp,...

1.4.6. Sự vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển trong việc đào tạo cử nhân chuyên ngành kinh tế số

Theo kinh nghiệm đào tạo về lĩnh vực kinh tế số và kinh doanh số từ các trường đại học khác tại Việt Nam và trên thế giới, cùng với nguồn lực hiện tại của Học viện Chính sách và Phát triển khi đã triển khai đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành “Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh”, chúng tôi xin đưa ra một số giải pháp phù hợp để vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển trong việc đào tạo cử nhân chuyên ngành kinh tế số như sau:

Một là, xác định chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của sinh viên

Việc xác định chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của sinh viên học chuyên ngành Kinh tế số sau khi ra trường là vô cùng quan trọng để có chiến lược đào tạo hợp lý, mang lại cơ hội việc làm tốt cho sinh viên cũng như đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng cho nền kinh tế số. Về cơ bản cơ hội việc làm của sinh viên chuyên ngành Kinh tế số sẽ có thiên hướng nhiều về công nghệ nhưng cũng tận dụng được lợi thế với các kiến thức về kinh tế và kinh doanh. Các công việc phù hợp với sinh viên ngành Kinh tế số trong vòng 20 năm tới có thể định hướng là chuyên gia trong các lĩnh vực:

- Thương mại điện tử như marketing online, thiết kế và quản trị website bán hàng, bảo mật hệ thống, cổ vấn...
- Hệ thống thanh toán điện tử như của ngân hàng, cổng thanh toán, ví điện tử, tiền điện tử...
- Bộ phận công nghệ thông tin và truyền thông của doanh nghiệp.
- Quản trị cơ sở dữ liệu, thống kê và phân tích dữ liệu trong kinh tế, quản trị các hệ thống thông tin...
- Phân tích nghiệp vụ, quản lý các dự án công nghệ thông tin.

- Khởi nghiệp độc lập trong lĩnh vực kỹ thuật số...

Hai là, về chương trình đào tạo

Đảm bảo khung chương trình đào tạo đại học với tổng số tín chỉ khoảng từ 128 đến 132. Ngoài các kiến thức cơ bản, kiến thức chung, kiến thức về kinh tế - tài chính thì cần chú trọng vào các kiến thức chuyên ngành sau:

- Toán học: xác suất và thống kê, kinh tế lượng.
- Các môn học về chuyển đổi số, mô hình kinh doanh số, truyền thông số.
- Các môn học liên quan tới thương mại điện tử, kinh doanh quốc tế.
- Các môn học về công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu: hệ quản trị cơ sở dữ liệu, dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, học máy và trí tuệ nhân tạo, lập trình web,...

Ba là, về hợp tác với doanh nghiệp và các viện nghiên cứu

Việc hợp tác tốt với doanh nghiệp và viện nghiên cứu trong đào tạo đại học sẽ mang lại thuận lợi cho Học viện.

Với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp về công nghệ thì sẽ giúp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế số có cơ hội tiếp cận với các kiến thức thực tế cùng với các trang thiết bị hạ tầng số như hệ thống máy chủ lớn, hạ tầng mạng tốc độ cao của doanh nghiệp mà Học viện không có. Việc kết hợp tốt với doanh nghiệp cũng sẽ giúp cho Học viện có định hướng đào tạo chuyên ngành kinh tế số còn mới mẻ đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp hơn, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm tốt hơn sau khi ra trường. Ngược lại, doanh nghiệp cũng sẽ dễ dàng tìm được nguồn nhân lực chất lượng cao hay đảm bảo yêu cầu của mình từ các sản phẩm đào tạo được Học viện cung cấp.

Với các viện nghiên cứu, là một chuyên ngành mới như Kinh tế số thì việc tận dụng các kết quả nghiên cứu từ các viện có chuyên ngành liên quan là rất cần thiết trong việc triển khai ban đầu. Việc hợp tác sẽ giúp cho Học viện có thêm những định hướng đào tạo phù hợp cho chuyên ngành Kinh tế số và giúp cho sinh viên cũng như giảng viên chuyên ngành có thêm điều kiện để nghiên cứu khoa học chuyên sâu hơn. Ngược lại, các viện nghiên cứu cũng sẽ có thêm nguồn lực hỗ trợ cho mình trong việc triển khai các dự án hay đề tài rộng cần nhiều nhân lực tham gia.

**BẢNG 1: BẢNG SO SÁNH ĐỐI CHIẾU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA HỌC VIỆN VỚI CÁC
CHƯƠNG TRÌNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

STT	Học viện Chính sách và Phát triển - Chuyên ngành Kinh tế & Kinh doanh số	Đại học Kinh tế Quốc dân - chuyên ngành Kinh doanh số (tiếng Anh)	NORD University (Na Uy) - Cử nhân Kinh tế số và quản lý	Bruney Darusalam University - Cử nhân Kinh tế số
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học		
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin		
3	Kinh tế vi mô 1	Kinh tế học vi mô 1	Microeconomics	
4	Kinh tế vĩ mô 1	Kinh tế học vĩ mô 1	Macroeconomics	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		
6	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác - Lênin	Examen Philosophicum	
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh		
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Toán cho các nhà kinh tế	Thống kê toán (Statistics)	
9	Toán cao cấp		Toán cao cấp (Mathematics)	
10	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương		
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu	Research methods	
12	Tiếng Anh cơ bản 1	Tiếng Anh kinh doanh		
13	Tiếng Anh cơ bản 2	Ngoại ngữ 2 (Pháp, Trung, Nhật)		
14	Tiếng Anh cơ bản 3			
15	Tiếng Anh cơ bản 4			
16	Tin học đại cương	Tin học đại cương	Introduction to Information Technology	
17	Lập trình căn bản	Cơ sở lập trình		Programming Fundamentals I
18	Marketing căn bản	Marketing căn bản		Marketing Management

19	Kinh tế lượng			
20	Dữ liệu lớn trong KT&KD	Lý thuyết dữ liệu lớn		
21	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			
22	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	Cost Accounting and Budgeting	Introduction to Accounting
23	Kinh tế quốc tế 1	Kinh doanh quốc tế		
24	Quản trị học	Quản trị chiến lược, vận hành, nhân lực, tài chính, dự án		Principles of Business and Management
25	Quan hệ công chúng	Tâm lý xã hội		
26	Cơ sở của khoa học dữ liệu			
27	Nhập môn lập trình PTDL với Python			
28	Pháp luật kinh tế	Pháp luật kinh doanh		
29	Thương mại quốc tế	Kinh doanh quốc tế		
30	Tài chính doanh nghiệp			
31	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		
32	Lý thuyết Kinh tế số	Nguyên lý kinh doanh số	Business Economics with Relevant Computer Software	
33	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý	Organization and system management	Business Information System
34	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế		International Business
35	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử		Electronic Business
36	Chuyên đề thực tế			
37	Thị trường chứng khoán			
38	Thanh toán điện tử	Thanh toán điện tử		

39	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	Sáng tạo và đổi mới		Entrepreneurship and New Venture Creation, Innovation & Entrepreneurship, Innovation Management, Commercializing Innovation
40	Phân tích báo cáo tài chính			Financial Management, Financial Reporting
41	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính			
42	Mạng máy tính và truyền thông số	Mạng máy tính và truyền thông số	Internet and services	World Wide Web and Applications, Integrated Marketing Communication in Digital World
43	Kế toán tài chính		Introduction to financial accounting	Cost Accounting, Auditing, Management Accounting & Control
44	Thiết kế website thương mại điện tử	Thiết kế Web tương tác		Graphic Design & Visual Communication
45	Chuyển đổi số		Digitalisation and society	Managing Operations in the Digital Enterprise
46	Các mô hình kinh doanh số		Data modeling & Business modeling	Digital Business project, Entrepreneurship in the Digital Domain, Technology Entrepreneurship
47	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	Bảo mật và an ninh mạng	Information security	
48	Marketing số	Marketing số		
49	Công nghệ tài chính			Digital Financial Services
50	Blockchain trong quản lý			
51	Khoa học quản lý		Organisation	
52	Truyền thông đa phương tiện	Quản trị truyền thông số		Trends in New Media: Principles and Practice, Political Economy of the Media

53	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh			Data Mining & Analytics
54	Phân tích dữ liệu lớn với R			Digital Business Processes Analysis, Analysing Visual Communication
55	Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chuỗi cung ứng		
56	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược		Strategic Management
57	Khóa luận tốt nghiệp	Chuyên đề thực tập	Bachelor's Thesis	Halal Industries Project
58	Thực tập tốt nghiệp			

PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Tính đến thời điểm đến tháng 09/2020, Học viện Chính sách và Phát triển có 08 mã ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Phát triển, Quản lý Nhà nước, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh và Luật kinh tế) với 19 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 04 chương trình chuẩn quốc tế (Kinh tế đối ngoại, Tài chính; Đầu tư, Quản trị kinh doanh) và 17 chương trình đại trà. Dự kiến trong năm học 2020-2021 Học viện sẽ mở thêm 02 Ngành đào tạo mới là Kinh tế số và Marketing.

Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sỹ với 05 chuyên ngành là: Chính sách công, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Phát triển và Quản trị Kinh doanh.

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện đào tạo các ngành Kinh tế, Kinh tế đối ngoại, Quản lý Nhà nước, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng và Luật kinh tế. Trong khoảng thời gian 12 năm thành lập, Học viện có 11 năm đào tạo trình độ đại học, 07 năm đào tạo Thạc sỹ. Học viện tuân thủ các quy định liên quan đến công tác đào tạo và ban hành các văn bản quản lý về QLĐT. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã sắp xếp lại các ngành học, phát triển thêm 3 ngành học mới, sửa đổi, bổ sung toàn bộ các chương trình đào tạo. Học viện đã xây dựng và công khai khoảng hơn 200 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Các chương trình đào tạo mới xây dựng được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài trường, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của trường. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, liên thông, đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Đào tạo bậc đại học gồm: Hình thức đào tạo đại học hệ chính quy với quy mô tuyển sinh từ 1000 - 1200 sinh viên/khóa; hình thức đào tạo chất lượng cao (tuyển sinh từ năm 2015) đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao; hình thức hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài: trường Middlesex (Đại học của Anh) theo hình thức 3+1; trường Purdue (Đại học của Mỹ) theo chương trình 2+2. Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo cho hơn 3000 sinh viên với 60 lớp sinh viên.

Học viện Chính sách và Phát triển luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “Người học là trung tâm” và đồng thời là “chủ thể tương tác nâng cao chất lượng đào tạo”. Người học được Học viện hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mà còn tham gia vào quá trình đánh giá các khâu, quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng phục vụ. Các sinh viên tại Học viện có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học tốt; thái độ tinh thần học tập chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Học viện đã có 7 khoá sinh viên tốt nghiệp, trong đó: năm 2014 là 267 sinh viên, năm 2015 là 317 sinh viên, năm 2016 là 277 sinh viên, năm 2017 là 395 sinh viên, năm 2018 là 454 sinh viên, năm 2019 là 591 sinh viên, năm 2020 là 650 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn luôn đạt khoảng 70% đến 80% so với số tuyển vào. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đạt trên 90%, trong đó khoảng 30% có việc làm đúng ngành đào tạo.

Đào tạo bậc sau đại học gồm: đào tạo trình độ Thạc sỹ với 5 khoá về các chuyên ngành Chính sách Công, Tài chính Ngân hàng tại Học viện và đào tạo Thạc sỹ cho các vùng trọng điểm của quốc gia: Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Điện Biên, Đà Nẵng và một số tỉnh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các vùng này. Học viện tuyển sinh cao học từ năm 2015 và trong 5 năm qua đã tuyển hơn 400 học viên cao học. Riêng đào tạo Tiến sỹ Học viện đang xin chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẽ triển khai giảng dạy vào thời gian tới.

Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học: Học viện thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực: Đấu thầu cơ bản, nâng cao; Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu. Đào tạo theo nhu cầu xã hội bao gồm: Đào tạo theo đơn đặt hàng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về Kỹ năng sư phạm nâng cao.

Các chương trình học đều được đánh giá phù hợp với nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng quy trình quản lý, có tài liệu môn học, đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các ý kiến phản hồi của người học về các khóa đào tạo.

2.1.3. Tỷ lệ sinh viên Học viện tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất

Xét trong quy mô toàn Học viện, tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hàng năm, theo báo cáo tổng hợp về khảo sát cựu sinh viên ra trường, tỷ lệ sau 12 tháng có việc làm đạt trên 96%.

Người học tại Học viện Chính sách và Phát triển hoàn toàn có đủ năng lực và kỹ năng để tự tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Theo Kết quả khảo sát sơ bộ của Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và các Khoa quản lý sinh viên về tình hình sinh viên tự tìm việc làm và tạo việc làm đối với Cựu sinh viên khóa 1, 2, 3, 4, có 78,9% sinh viên làm khu vực ngoài nhà nước và 15,3% sinh viên làm trong khu vực nhà nước. Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, ngay trong thời gian học tại Học viện, thông qua giới thiệu của giảng viên các khoa và trong quá trình thực tập, nhiều người học đã tiếp cận được với cơ hội nghề nghiệp và có việc làm sau khi vừa tốt nghiệp.

Học viện đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy, bình quân trong 4 năm gần đây có 69,6% sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo có xu hướng tăng theo từng năm. Cụ thể, năm 2015, tỷ lệ này là 58,56%, năm 2016 là 62,38%, năm 2017 là 71,06%, năm 2018 là 77,16%. Trong số các sinh viên đã tốt nghiệp của Học viện đã tốt nghiệp, có nhiều sinh viên thực sự trưởng thành và có khả năng tạo được việc làm cho người khác.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện tính tại thời điểm tháng 09/2020 là 136 người, trong đó có 95 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 69,8% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 03 người là Phó Giáo sư, 26 người là Tiến sỹ (không kể PGS), 68 người là Thạc sỹ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sỹ trở lên (kể cả PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 31,6%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Học viện có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 68,4%.

Đội ngũ giảng viên của Học viện đủ khả năng đáp ứng điều kiện về giảng viên khi mở ngành ngành Kinh tế số, đào tạo trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, cụ thể:

Bảng 2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ Cử nhân

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước cấp bằng	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1.	Trần Trọng Nguyên , 1972, Giám đốc Học viện	PGS, 2015	Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Toán học...	5 giáo trình và sách chuyên khảo, 02 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 40 bài báo khoa học, 10 kỷ yếu hội thảo,...	Khoa học quản lý, Kinh tế lượng, Chuyển đổi số.
2.	Đào Văn Hùng , 1960, Nguyên là Giám đốc Học viện	PGS, 2005	Tiến sỹ, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học QGHN,...	04 giáo trình và sách chuyên khảo, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 23 bài báo khoa học, 04 kỷ yếu hội thảo	Lý thuyết Tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp,...
3.	Phùng Thế Đông , 1984, Phó Khoa		Tiến sỹ Kinh tế tại LB Nga	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học QGHN,...	07 đề tài cấp bộ và cấp Học viện, 53 bài báo khoa học, 04 sách.	Các mô hình kinh doanh số, Công nghệ tài chính.
4.	Đàm Thanh Tú , 1981, Trưởng bộ môn		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Học viện Tài Chính	08 đề tài NCKH, 18 bài báo khoa học, 06 bài viết kỷ yếu hội thảo quốc tế	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh; Phân tích dữ liệu lớn với R; Thanh toán điện tử,...
5.	Nguyễn Hữu Xuân Trường , 1982, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Cơ sở Toán học cho tin học	Học viện Khoa học và Công nghệ	Tham gia 6 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 6 bài đăng tạp chí, 2 bài dự hội thảo KH quốc tế	Nhập môn lập trình; Mạng máy tính và truyền thông số; An toàn và bảo mật thương mại điện tử.
6.	Lê Thị Nhung , 1986 Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Tài chính Ngân hàng	Học viện Tài Chính	Chủ nhiệm 2 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 8 bài đăng tạp chí, 2 bài dự hội thảo KH	Công nghệ tài chính; Chuyển đổi số; Thanh toán điện tử...

7.	Nguyễn Duy Đồng, 1974, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 5 bài đăng tạp chí, 2 bài dự hội thảo KH	Blockchain trong quản lý; Khoa học quản lý.
8.	Đỗ Thế Dương, 1980, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Công nghệ điện tử viễn thông	Giao thông vận tải	Tham gia 04 đề tài khoa học, 01 giáo trình, 10 bài đăng tạp chí và hội thảo KH	Tin học đại cương; Thiết kế website thương mại điện tử; Truyền thông đa phương tiện.
9.	Nguyễn Văn Tuấn, 1979, Phó trưởng bộ môn		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán giải tích	Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Đồng tác giả 3 cuốn sách, 1 đề tài và 2 bài đăng tạp chí	Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế lượng; Blockchain trong quản lý.
10.	Bùi Đức Dương, 1982, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán ứng dụng	Đại học Sư phạm HN	03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 1 đề án và 1 giáo trình, 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo	Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế lượng,...
11.	Nguyễn Phương Lan, 1989, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán Kinh tế	Đại học KTQD HN	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở, tham gia 03 đề tài, 04 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành	Nguyên lý thống kê kinh tế; Toán tài chính, Cơ sở của khoa học dữ liệu
12.	Trần Thị Hương Trà, 1990, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán ứng dụng	Viện Toán học Việt Nam	Tham gia 02 đề tài NCKH 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo	Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế lượng
13.	Nguyễn Việt Hưng, 1991, Giảng viên		Thạc sỹ, Anh	Kinh tế	Đại học Leicester, Anh quốc	Tham gia 02 đề tài NCKH, 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo	Kinh tế số căn bản; Các mô hình kinh doanh số.
14.	Nguyễn Như Hà, 1982, Trưởng Khoa		Tiến sỹ tại Cộng hòa Pháp	Luật kinh tế	Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Luật Hà Nội,...	Chủ nhiệm và tham gia 6 đề tài khoa học; 08 bài báo	Pháp luật đại cương Pháp luật kinh tế
15.	Ngô Phúc Hạnh, 1977, Trưởng khoa	PGS, 2014	Tiến sỹ, Việt Nam	Quản lý Kinh tế	Đại học Thương mại	04 giáo trình, chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở, tác giả hoặc đồng tác giả của 29 bài báo	Chính sách công, Phương pháp nghiên cứu khoa học

16.	Nguyễn Thế Hùng, 1977, Trưởng phòng QLĐT		Tiến sỹ, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	Học viện Tài chính	01 sách chuyên khảo, 03 đề tài NCKH cấp cơ sở; 08 bài báo khoa học	Tài chính doanh nghiệp; Phân tích BCTC.
17.	Vũ Thị Minh Luận, 1975, Trưởng Khoa		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân	05 sách chuyên khảo, 10 bài báo khoa học, 04 kỷ yếu hội thảo	Quản trị học, Nghiên cứu thị trường; Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
18.	Bùi Thúy Vân, 1977, Trưởng Khoa		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế quốc dân	01 giáo trình, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 04 bài báo khoa học	Kinh tế quốc tế 1; Kinh doanh quốc tế.
19.	Tô Trọng Hùng, 1984, Giảng viên		Tiến sỹ, Hoa Kỳ	Kinh tế	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Tham gia 14 đề tài, 3 giáo trình và nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1;
20.	Nguyễn Tiến Hùng, Trưởng Khoa Cơ bản		Tiến sỹ Việt Nam	Triết học	Học viện Hành chính quốc gia	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở, 04 giáo trình và sách tham khảo, 10 bài báo khoa học	Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh
21.	Vũ Thị Nhài, 1973, Giảng viên		Tiến sỹ Việt Nam	Tài chính ngân hàng	Đại học Kinh tế quốc dân	01 đề tài cấp Bộ, 03 sách chuyên khảo, 18 bài báo khoa học	Lý thuyết tài chính tiền tệ; Quản trị NHTM, Thị trường chứng khoán.
22.	Trịnh Tùng, 1975, Phó Trưởng Khoa		Tiến sĩ Việt Nam	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân	01 đề tài cấp bộ, 05 đề tài cấp Học viện; 10 bài báo khoa học	Marketing cơ bản; Marketing số.
23.	Ngô Minh Thuận, 1981, Phó Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Việt Nam	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử	2015, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH QG Hà Nội	01 đề tài cấp cơ sở, 04 giáo trình, 08 bài báo khoa học	Chủ nghĩa XHKKH; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.
24.	Đào Văn Mừng, 1968, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Triết học	Đại học Quốc gia Hà Nội	Tác giả và đồng tác giả 4 giáo trình, 5 bài đăng tạp chí, 1 đề tài khoa học cấp Bộ, 1 đề tài khoa học cấp trường	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế Chính trị Mác – Lênin.

25.	Nguyễn Mã Lương, 1978, giảng viên		Thạc sỹ, Việt nam	Giáo dục thể chất	Đại học TDTT Từ Sơn	Tham gia 1 đề tài khoa học, 2 bài đăng tạp chí và 2 bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học	Giáo dục thể chất học phần 1, 2, 3, 4.
26.	Bùi Thị Hoàng Mai, 1982, Phó Khoa		Thạc sỹ, Việt nam	Kinh tế phát triển	Viện chính sách công và quản lý, Đại học Kinh tế quốc dân	Tham gia 2 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 1 bài đăng tạp chí, 1 bài dự hội thảo KH	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1;
27.	Nguyễn Hoàng Minh, 1992, giảng viên		Thạc sỹ, Anh quốc	Tài chính	ĐH Ngoại thương Hà Nội	Tham gia 02 đề tài khoa học, 2 bài đăng tạp chí, 03 bài dự hội thảo KH	Thương mại điện tử; Tài chính doanh nghiệp.
28.	Vũ Đình Hòa, 1982, Phó Trưởng Khoa		Tiến sỹ, Việt nam	Kinh tế	Viện Chiến lược Phát triển	Tham gia 4 đề tài, đề án; 2 giáo trình và 20 bài báo và 8 hội thảo khoa học	Quan hệ công chúng; Quản trị bán hàng; Quản trị chiến lược.
29.	Đỗ Thị Hoa, 1985, Phó BM		Thạc sỹ, Việt Nam	Quản trị kinh doanh (học bằng tiếng Anh)	2013, Chương trình cao học Việt – Bỉ, ĐH Kinh tế quốc dân	Đồng tác giả của 3 giáo trình, 1 sách chuyên khảo; tham gia 2 đề án, 1 bài hội thảo	Tiếng Anh cơ bản 1,2,3,4;
30.	Đỗ Thị Thanh Hà, 1985, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Phương pháp giảng dạy Ngôn ngữ Anh	2014, Đại học Hà Nội	Đồng tác giả 3 giáo trình, 2 đề án, 1 báo cáo khoa học	Tiếng Anh cơ bản 1,2,3,4;
31.	Phạm Thị Diệu Linh, 1985, Phó BM		Thạc sỹ, Việt Nam	Quản trị kinh doanh (học bằng tiếng Anh)	2014, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý, ĐH Kinh tế quốc dân	Đồng tác giả 3 giáo trình, 2 đề án, 2 báo cáo khoa học	Tiếng Anh trong kinh doanh;

**Bảng 2.2. Danh sách giảng viên cơ hữu của Học viện đứng tên mở ngành,
tham gia giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành**

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo đại học, CSĐT	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1.	Trần Trọng Nguyên , 1972, Giám đốc Học viện	PGS, 2015	Tiến sỹ, Việt Nam	PGS Kinh tế TS Toán tài chính	Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Toán học...	5 giáo trình và sách chuyên khảo, 02 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 40 bài báo khoa học, 10 kỷ yếu hội thảo,...
2.	Phùng Thế Đông , 1984, Phó Khoa		Tiến sỹ Kinh tế tại LB Nga	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học QGHN,...	07 đề tài cấp bộ và cấp Học viện, 53 bài báo khoa học, 04 sách.
3.	Đàm Thanh Tú , 1981, Trưởng BM			Kinh tế	Học viện Tài chính	Chủ nhiệm 04 đề tài khoa học, tham gia viết 02 sách, 15 bài đăng tạp chí, 03 bài dự hội thảo KH quốc tế
4.	Nguyễn Hữu Xuân Trường , 1982, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Cơ sở Toán học cho tin học	Học viện Khoa học và Công nghệ	Tham gia 03 đề tài khoa học, 02 giáo trình, 05 bài đăng tạp chí, 03 bài hội thảo KH
5.	Lê Thị Nhung , 1986, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Tài chính Ngân hàng	Học viện Tài Chính	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 8 bài đăng tạp chí, 2 bài dự hội thảo KH
6.	Nguyễn Duy Đồng , 1974, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch & Đầu tư	Tham gia 02 đề tài khoa học, 4 bài đăng tạp chí chuyên ngành.
7.	Đỗ Thế Dương , 1980, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Công nghệ điện tử viễn thông	ĐH Giao thông vận tải	Tham gia 04 đề tài khoa học, 01 giáo trình, 10 bài đăng tạp chí và hội thảo KH

8.	Nguyễn Văn Tuấn , 1979, Phó trưởng bộ môn		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán giải tích	2006, Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Đồng tác giả 3 cuốn sách, 1 đề tài và 2 bài đăng tạp chí
9.	Nguyễn Phương Lan , 1989, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán Kinh tế	Đại học KTQD HN	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở, tham gia 02 đề tài, 04 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành
10	Trần Thị Hương Trà , 1990, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán ứng dụng	Viện Toán học	Tham gia 02 đề tài NCKH 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo
11	Nguyễn Việt Hưng , 1991 Giảng viên		Thạc sỹ, Anh	Kinh tế	Đại học Leicester, Anh quốc	Tham gia 03 đề tài NCKH, 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo

Bảng 2.3. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1.	Trần Trọng Nguyên , 1972, Giám đốc Học viện	PGS, 2015	Tiến sỹ, Việt Nam, 2004	PGS Kinh tế TS. Toán tài chính
2.	Phùng Thế Đông , 1984, Phó Khoa		Tiến sỹ Kinh tế tại LB Nga, 2015	Kinh tế
3	Đàm Thanh Tú , 1981, Trưởng BM		Tiến sỹ, Việt Nam, 2017	Kinh tế
4.	Nguyễn Văn Tuấn , 1979, Phó trưởng BM		Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Toán học ứng dụng

Bảng 2.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chuyên ngành:

Các giảng viên thỉnh giảng ngành Kinh tế số được mời từ các trường Đại học có uy tín, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo đại học, CSĐT	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Bùi Thị Hà Linh , 1985, Giảng viên chính, Khoa Tài chính, Học viện Tài chính.		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Tài chính – Ngân hàng	Học viện Tài Chính	- Đề tài: 15 - Bài báo: 10 - Hội thảo: 05
2	Phạm Minh Hoàn , 1973, Phó trưởng BM, Viện CNTT và Kinh tế số, ĐHKQTĐ.		Tiến sỹ, 2016 Cộng hòa Pháp	Công nghệ thông tin	Trường Đại Học KTQĐ	- Đề tài: 07 - Bài báo: 10 - Hội thảo: 03
3	Hà Văn Sang , 1982, Khoa HTTT Kinh tế, Học viện Tài chính		Tiến sỹ, 2018 Việt Nam	Hệ thống thông tin	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	- Đề tài: 11 - Bài báo: 10 - Sách: 03

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, sân bãi

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo sinh viên chính quy tại cơ sở chính tại Khu đô thị Nam An Khánh với diện tích gần 6ha bao gồm 04 tòa nhà A, B, C, D. Ngoài ra, các học viên cao học được đào tạo tại tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Học viện có đủ số phòng học, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH.

Tính đến tháng 09/2020, Học viện đang sử dụng 50.876 m² sàn xây dựng tại 04 tòa A, B, C, D để triển khai các hoạt động của Học viện. Trong đó, Học viện đã có 47 phòng học tại tòa nhà giảng đường 07 tầng (Nhà C) với 06 phòng học trên 100 chỗ; 74 phòng từ 50 – 100 chỗ. 100% phòng học đều có hệ thống âm thanh, máy chiếu và đầy đủ điều kiện cần thiết về thiết bị, ánh sáng đảm bảo đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy. Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng 01 Hội trường 800 chỗ; 01 hội trường 400 chỗ tại tòa nhà hiệu bộ để tổ chức các hoạt động khi có nhu cầu.

Ngoài diện tích đang sử dụng tại tòa nhà giảng đường C, Học viện có khu sân bãi, nhà thi đấu đa năng tại để phục vụ môn học Giáo dục thể chất, Quốc phòng và các hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên với diện tích sàn xây dựng khoảng 1.000m². Trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể thao của sinh viên được cung cấp đầy đủ: bóng đá, cầu lông, vợt cầu lông, dây nhảy, đích đá, đích dấm, cọc tiêu,...

Tính bình quân số m² diện tích phòng học, giảng đường và sân bãi thực hành trên đầu sinh viên là 10.0 m². Học viện tổ chức học 02 ca trong ngày, sáng từ 8^h00 đến 11^h40', chiều từ 13^h00' đến 16^h40'.

2.3.2. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập

Học viện có đủ số lượng trang thiết bị giảng dạy đáp ứng đủ yêu cầu của thiết kế CTĐT. Các phòng học đều được trang bị ánh sáng, bàn, ghế, bảng, điều hòa, quạt máy, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, Internet đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Học viện có 80 máy chiếu kèm màn hình, 11 tivi 50 inch, 80 bộ âm thanh Shure, 300 quạt trần, 3000 bộ bàn ghế sinh viên, 80 bộ bàn ghế vi tính tại 02 phòng máy.

Trang thiết bị dạy và học đang sử dụng được giảng viên và sinh viên đánh giá có chất lượng đạt yêu cầu; Học viện có đội ngũ cán bộ kỹ thuật hỗ trợ vận hành các

trang thiết bị trong phòng học, đội ngũ này sẽ có trách nhiệm bảo dưỡng, bảo trì và kịp thời sửa chữa các trang thiết bị hỏng hóc, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.

Học viện có phòng thực hành tin học, ngoại ngữ diện tích 240 m² với 80 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TestSite của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3/MOS. Phòng thực hành tin học, ngoại ngữ có nội quy sử dụng và sổ theo dõi tình trạng trang bị máy móc, có sổ theo dõi tần suất sử dụng và liên hệ sửa chữa, khắc phục sự cố khi cần thiết.

Các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được khai thác tối đa vì sinh viên học kín các giảng đường 2 buổi/ngày.

Thiết bị tin học của Học viện tính đến hết năm 2019 gồm có 125 máy tính để bàn, 11 máy tính xách tay. Trong đó máy tính xách tay và 45 máy tính để bàn được dùng trong công tác quản lý và 80 máy tính để bàn được dùng phục vụ công tác đào tạo. Các thiết bị tin học khác bao gồm có 4 máy photocopy, 4 máy scan, 31 máy in, 80 máy chiếu, 80 màn chiếu và 11 màn hình thay máy chiếu ở các phòng học nhỏ. Các thiết bị này được khai thác sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu quản lý, đào tạo ở trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống internet cáp quang với 02 đường truyền tốc 100MB/s và tất cả các khu vực trong Học viện đều được trang bị wifi miễn phí dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện. CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp người học chủ động trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập. CSDL đào tạo bao gồm thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên được các đơn vị liên quan (P.QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng KHTC, các Khoa/Bộ môn, Phòng CT&CTSV,...) truy cập và sử dụng phục vụ công tác quản lý.

Tất cả các phần mềm được sử dụng đều có bản quyền: phần mềm kế toán misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm thư viện. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí. Sinh viên theo học trong trường đều được cung cấp tài khoản đăng ký tín chỉ. Ngoài ra sinh viên khi vào thư viện đều có máy tính dung để tra cứu tài liệu.

2.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Thư viện của Học viện có đủ số lượng các đầu sách đáp ứng yêu cầu trong danh mục của mỗi chương trình đào tạo, đảm bảo cho các học phần thuộc chương trình đào tạo. Tổng số đầu sách trong Thư viện hiện có là 3.230 với tổng số bản là 31.000, trong đó: 2.500 đầu sách tiếng Việt (28.922 bản) và 230 đầu sách tiếng Anh (2.078 bản). Giáo trình mua có 440 đầu sách (3.000 bản), giáo trình do Học viện tự xuất bản có 06 đầu sách (1.920 bản). Các đầu sách được bổ sung và cập nhật hàng năm. Ngoài ra, Thư viện còn có 38 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 07 đầu báo phục vụ giải trí đều được mua hàng năm. Thư viện có khoảng 600 luận văn, 244 luận án phục vụ cho học tập, giảng dạy và NCKH. Riêng đối với các sách, tạp chí trong lĩnh vực công nghệ và kinh tế số, thư viện hiện có hơn 100 đầu sách (khoảng 1800 bản), giáo trình, tạp chí dành cho sinh viên tham khảo chuyên ngành. Hệ thống tài liệu trên được quản lý dựa trên phần mềm tích hợp quản trị thư viện I-lib.

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện hiện nay là 246 m² bao gồm khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và khu vực đọc sách có sức chứa khoảng 120 chỗ ngồi.

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 40 trường đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số). Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí. Số liệu thống kê trên thư viện số được tổng hợp hàng năm để đánh giá mức độ sử dụng thư viện cũng như điều chỉnh kế hoạch bổ sung tài liệu, khai thác thư viện hiệu quả hơn.

2.3.4. Ký túc xá cho chuyên gia và sinh viên

Ngoài khu giảng đường khang trang với các thiết bị hiện đại, khu ký túc xá của Học viện có sức chứa lên đến 1100 người, bao gồm 2 khu cạnh nhau. Thứ nhất là khu nhà ở cho chuyên gia/giảng viên thỉnh giảng 07 tầng gồm 60 phòng, với sức chứa 02-04 người/phòng. Khu ký túc xá thứ hai dành cho sinh viên nằm ngay trong tòa nhà D với 09 tầng được trang bị đầy đủ các thiết bị khác như: điều hòa, bình nóng lạnh, khu giặt – là, giường tầng gắn với bàn học, không gian phơi đồ thông thoáng, công trình phụ khép kín, hành lang rộng rãi với thang máy phục vụ 24/24.

Để đáp ứng nhu cầu trao đổi, học tập của sinh viên, khu kí túc xá còn có 3 phòng sinh hoạt chung để các bạn có thể trao đổi học tập, tổ chức sinh hoạt tập thể.

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

2.4.1 Đề tài khoa học đã thực hiện

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Quy hoạch phát triển; Triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới.

Trong 5 năm gần đây, Tổng số nhiệm vụ KH-CN các cấp được giao là 49 đề tài/đề án khoa học (Trong đó có: 02 đề tài cấp nhà nước; 22 đề tài/đề án khoa học cấp bộ; 125 đề tài/đề án khoa học cấp cơ sở và 469 đề tài do sinh viên thực hiện). Tuy nhiên, số đề tài/đề án khoa học phải gia hạn thời gian thực hiện là 11 đề tài/đề án khoa học chiếm tỷ lệ 22% tổng số đề tài/đề án khoa học.

Số lượng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước hàng năm đều tăng nhanh, từng bước đáp ứng được yêu cầu theo định hướng nghiên cứu của Học viện. Trong các bài báo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế của các giảng viên tại Học viện đã có 05 bài được đăng tải trên tạp chí có chỉ số ISI và SCOPUS, 15 bài được đăng trên tạp chí quốc tế; 8 bài đăng trong hội

thảo quốc tế; 122 bài đăng trong hội thảo trong nước, 34 bài đăng trong hội thảo của Học viện và hàng trăm bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành của Việt Nam.

Hàng năm Học viện đều đã có những đề tài nghiên cứu được thực hiện thành công để góp phần giải quyết một số vấn đề của địa phương (Giải pháp phát triển ngành công nghiệp, du lịch,...) hoặc của Trung ương (phát triển kinh tế vĩ mô, môi trường vùng,...) được nghiệm thu và được đánh giá có đóng góp cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tế. Tiêu biểu là đề tài “Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam” thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, mã số KC.09/16-20 do Học viện chủ trì và được các Bộ ban ngành, doanh nghiệp xác nhận có giá trị và được dùng cho việc tham khảo đối với cơ quan tham mưu, hoạch định chính sách và điều hành nền kinh tế.

Học viện đã thành lập tổ nghiên cứu mạnh là Tổ nghiên cứu và tư vấn kinh tế vĩ mô gồm các giảng viên có kinh nghiệm để phối hợp với các nhà khoa học nước ngoài tham vấn chính sách cho Giám đốc và tham gia đấu thầu các đề tài/dự án khoa học và công nghệ.

Theo định hướng phát triển Học viện là trường đại học nghiên cứu nên công tác nghiên cứu khoa học luôn là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu bên cạnh công tác đào tạo. Trong những năm qua, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Học viện đã thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo với sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Học viện, các chuyên gia đầu ngành từ Viện Chiến lược, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia,... Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã chỉ đạo, định hướng công tác nghiên cứu khoa học của Học viện theo đúng nhiệm vụ của Bộ KH&ĐT đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên của Học viện.

Thứ hai, Học viện triển khai thực hiện nhiều đề tài, đề án cấp Bộ, trong đó có nhiều đề tài, đề án quan trọng mà kết quả các đề tài đề án được sử dụng để tham mưu các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cụ thể như: các Đề án được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (*Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành, Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014-2020, Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2025*), các đề tài khoa học cấp Bộ (*Xây dựng phương pháp đánh*

giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp Việt Nam, Xúc tiến hình thành trung tâm tài chính để thu hút đầu tư từ các ngân hàng, công ty tài chính và quỹ đầu tư lớn, Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN...). Học viện đóng vai trò nòng cốt của tổ điều phối và nhóm thư ký theo Quyết định số 1737/QĐ-BKHĐT ngày 26/11/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT để triển khai “*Đề án cải cách cơ chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô*” ban hành kèm theo Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 06/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện đang triển khai nghiên cứu đề tài “*Vai trò của Nhà nước trong phát triển thị trường vốn và tài chính*” được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới.

Thứ ba, Học viện đã chủ trì tổ chức nhiều Hội thảo khoa học lớn với sự tham gia của nhiều chuyên gia đến từ các Bộ, Viện nghiên cứu như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Chiến lược phát triển, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương... như hội thảo: “*Diễn đàn bền vững Việt Nam*” vào các năm 2017, 2018, 2019, “*Nhìn lại chính sách tài chính, tiền tệ với mục tiêu kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính*” phối hợp với Viện Ngân hàng Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân, tổ chức ngày 25/4/2013, Hội thảo “*Lạm phát và Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*” tổ chức ngày 22/5/2013 dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Đặng Huy Đông, được sự tài trợ của Cơ quan Phát triển quốc tế của Hoa kỳ (USAID), Hội thảo “*Lập kế hoạch SMART và xây dựng đồng thuận quốc gia để phát triển Hàn Quốc thoát khỏi đói nghèo và tăng trưởng kinh tế kỳ diệu*” tổ chức ngày 16/01/2014 do KOICA tài trợ, Hội thảo “*Chiến lược Tăng trưởng xanh phát triển đất nước*” tổ chức ngày 29/10/2014, Hội thảo “*Liên kết chiến lược với các doanh nghiệp toàn cầu, công cụ chính sách thúc đẩy kinh doanh quốc tế và Đầu tư trực tiếp nước ngoài – nghiên cứu trường hợp chuỗi dự án liên kết toàn cầu của Hàn Quốc (GAPS)*” tổ chức ngày 05/02/2015,...

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm khoa học, các hội thảo cấp Khoa, Bộ môn và cấp Học viện theo nhiều chuyên đề và chủ đề với sự đóng góp của các chuyên gia trong và ngoài nước đến từ các cơ quan, tổ chức (Ngân hàng nhà nước, KOICA, USAID), trường đại học uy tín (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng...) nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Thứ tư, Học viện đã có đội ngũ giảng viên là các Phó giáo sư, Tiến sỹ được đào tạo tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có năng lực nghiên cứu khoa

học, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ được đánh giá cao, nhiều công trình đăng tải trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt là rất nhiều công trình nghiên cứu có giá trị thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế. Kết quả của các công trình nghiên cứu của giảng viên đã được các cơ quan tham mưu chính sách của Chính phủ sử dụng để hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Là một trường Đại học công lập, mục tiêu và nhiệm vụ của Học viện Chính sách và Phát triển là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên về kiến thức của các cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp cũng như đối với các doanh nghiệp có nhu cầu làm công tác hoạch định chính sách chiến lược trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Việc mở mã ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ Đại học không chỉ cấp thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, mà còn cần thiết cho chính Học viện Chính sách và Phát triển để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của mình. Đây cũng là thế mạnh của Học viện so với các trường đại học trong nước bởi hầu hết hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của Học viện trong những năm qua đều ít nhiều có liên quan tới những nội dung về xây dựng chính sách và pháp luật.

2.4.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Năm 2009, Học viện đã thành lập Phòng Khoa học và Hợp tác có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc thống nhất quản lý các hoạt động HTQT trong Học viện theo Quy định về Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2012. Năm 2015, để bắt kịp với sự phát triển trong hoạt động HTQT, Học viện đã cập nhật Quy định về Quản lý hoạt động hợp tác tại Học viện. Quy định đã phân định rõ trách nhiệm của Phòng KH&HT và phân cấp quản lý trong hoạt động HTQT cho các đơn vị trong Học viện. Quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế đã quy định rõ các thủ tục đối với đoàn ra và đoàn vào, gia hạn thời gian đi công tác/học tập nước ngoài, quản lý người học nước ngoài.

Trong giai đoạn này, Học viện đã tiếp đón các đoàn đại biểu đến từ các trường đại học của các nước, thiết lập quan hệ hợp tác với số lượng đáng kể, như Trường Đại học Darmouth, Portland State (Mỹ),... Qua đó, mở rộng các chương trình hợp tác đào tạo, tổ chức các hội thảo trao đổi học thuật, giao lưu giáo dục, giới thiệu chương trình đào tạo đến sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện còn chủ động cử một số đoàn cán bộ lãnh đạo, giảng viên đi giao lưu, khảo sát ở những nước như: Philippines, Mỹ, Pháp, ... để tìm hiểu, thiết lập quan hệ với các trường bạn làm cơ sở cho quan hệ hợp tác về sau. Qua các chuyến đi, các đoàn có cơ hội học hỏi kinh nghiệm tổ chức đào tạo của trường bạn để rút ra được những kinh nghiệm quý báu, vận dụng trong quá trình hoàn thiện và

nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Hàng năm, Học viện đều có báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó có thống kê số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn và dài hạn ở nước ngoài. Các chương trình hợp tác với đối tác quốc tế ngày càng gia tăng về chất lượng, số lượng đoàn ra, đoàn vào tăng về số lượng. Học viện đã và đang thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo sau:

(1) Chương trình hợp tác đào tạo Cử nhân với Trường Đại học Purdue (Hoa Kỳ) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (2+2);

(2) Chương trình hợp tác đào tạo Cử nhân với Trường Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (3+1);

(3) Học viện đang thảo luận với Đại học Rennes 1, Pháp để đưa CTĐT liên kết Thạc sỹ Kinh tế vào triển khai thực hiện.

Học viện đã ký kết được một số bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác về giáo dục đào tạo và trao đổi học thuật với các Học viện và các tổ chức quốc tế như: Đại học Rennes 1 (Pháp), Đại học Portland, Georgia State, Purdue (Mỹ), Tampere (Phần Lan), Enderun (Philippines), KOICA. Các văn bản thỏa thuận này chủ yếu tập trung vào trao đổi kinh nghiệm trong quản lý đại học, đào tạo tín chỉ, liên kết đào tạo ĐH, sau ĐH, đào tạo ngoại ngữ, trao đổi GV và SV, trao đổi học thuật, hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn, báo cáo chuyên đề, xây dựng chương trình giảng dạy, hỗ trợ tình nguyện viên.

Từ các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, Học viện đã có CBGV được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: qua việc trợ giảng/trực tiếp giảng dạy cho các chương trình hợp tác đào tạo bằng tiếng Anh, các giảng viên của Học viện được nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu, được tạo điều kiện nâng cao trình độ học vấn, được đào tạo và tự đào tạo để có thể giảng dạy theo chuẩn quốc tế. Cụ thể, Học viện đã cử 19 giảng viên đi học tập/trao đổi với các trường đối tác tại Châu Âu, Hàn Quốc, New Zealand, Australia, Philippines, Trung Quốc... năm 2017, 03 sinh viên của Học viện đã sang học tập tại Đại học Middlesex, Vương Quốc Anh. Năm 2016, Học viện đã đón 20 sinh viên trao đổi của Tuck School of Business, Dartmouth College, Hoa Kỳ. Học viện đã chủ động được nguồn nhân lực giảng dạy bằng tiếng Anh: Học viện có 12 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao thuộc Viện Đào tạo Quốc tế.

Giai đoạn 2012 - 2020, Học viện đã ưu tiên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên thông qua việc mời chuyên gia nước ngoài đến tổ chức lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về phương pháp giảng dạy hiện đại.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học mang lại những hiệu quả rõ rệt, một số CBGV của Học viện đã được tham gia các dự án nghiên cứu khoa học với sự hợp tác của đối tác và chuyên gia nước ngoài, cũng như có các công trình công bố chung với các giáo sư quốc tế.

Năm 2017, Học viện đang triển khai 01 đề tài thuộc quỹ Nafosted với sự phối hợp nghiên cứu của các chuyên gia quốc tế. Học viện đã tổ chức 19 hội thảo có sự tham gia của các đối tác nước ngoài, nổi bật năm 2015, Học viện tổ chức thành công chuỗi Seminar về thương mại quốc tế với sự tài trợ của USAID và sự tham gia trao đổi của các học giả nổi tiếng và các chuyên gia hàng đầu như Nguyên đại sứ Mỹ tại Việt Nam Ted Osius hay giám đốc Ngân hàng thế giới tại Việt Nam Victoria Kwakwa. Cùng với chuỗi sự kiện do USAID tài trợ, Học viện đã tổ chức nhiều khóa tập huấn dành cho các lãnh đạo trên khắp các tỉnh thành trên cả nước được cấp giấy chứng nhận do Hoa Kỳ cấp.

Bên cạnh đó, hàng năm, Học viện phối hợp với Tổ chức trao đổi nguồn nhân lực quốc tế Hoa Kỳ (REI) để cử các đoàn chuyên gia Hoa Kỳ đến làm việc và trao đổi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tổ chức tọa đàm. Tính đến nay có khoảng 56 lớp với sự tham gia của giảng viên, cán bộ và sinh viên Học viện.

Học viện đã có các đề xuất chính sách được chấp nhận thông qua hoạt động hợp tác ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn, cụ thể: những đề xuất chính sách trong lĩnh vực nợ công, quản lý nợ công và TPP bắt nguồn từ những đề tài hợp tác nghiên cứu của CBGV Học viện phối hợp cùng các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới.

Học viện đã phối hợp với Viện nghiên cứu cao cấp về Toán (VIASM) để tổ chức Hội thảo quốc tế thống kê (CAPS 2019) tại Hà Nội từ ngày 02-06/04/2019. Trong khuôn khổ Hội thảo, Học viện phối hợp với các nhà khoa học dữ liệu hàng đầu thảo luận về chủ đề **“Dữ liệu lớn trong kinh tế và quản lý”**. Đây chính là một cơ hội lớn cho Học viện trong phát triển các chương trình đào tạo liên quan đến Chuyển đổi số và Kinh tế số.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Tiếng Việt: Kinh tế số

Tiếng Anh: Digital Economics

Mã số ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Chuyên ngành: Kinh tế và kinh doanh số

Tiếng Anh: Digital Economics and Business

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế số

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Digital Economics

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân *Ngành Kinh tế số - Chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số* có kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, công nghệ thông tin và quản lý kinh tế trong thời đại số; có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh trên nền tảng số và các kỹ năng dẫn dắt để chuyển đổi số cho các tổ chức hay các doanh nghiệp; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho sinh viên.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân *Ngành Kinh tế số - Chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số* tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ tuân theo qui định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tức là phải hướng đến các mục tiêu sau:

+ Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, công nghệ thông tin và quản lý kinh tế, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số.

+ Đào tạo những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và thương mại dựa trên nền tảng số; marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số. Ngoài ra, quá trình đào tạo cũng cung cấp cho người học kiến thức về thiết kế, vận hành và khai thác các công cụ trên nền tảng web để phát triển

kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

3.1.3. Về trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là các chứng chỉ chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

3.1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc ngành Công nghệ thông tin, ngành Thương mại điện tử với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến công nghệ số, chuyển đổi số trong kinh tế và kinh doanh.

3.1.5. Vị trí việc làm

Cử nhân *Ngành Kinh tế số - chuyên ngành Kinh tế và kinh doanh số* khi ra trường có thể hoàn toàn tự tin làm việc được trong cả khu vực Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tại các vị trí như:

- Chuyên gia lập dự án và lập kế hoạch về chuyển đổi số, an toàn và bảo mật thông tin kinh tế tại các Bộ, Ngành từ Trung ương tới địa phương, các ngân hàng, các công ty tài chính, các công ty kinh doanh và kinh doanh trực tuyến;
- Chuyên gia tư vấn các giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp và các tổ chức có nhu cầu;
- Chuyên gia quản lý thương mại, quản lý hệ thống kinh doanh trực tuyến, quản lý kênh phân phối cho các doanh nghiệp sản xuất, tập đoàn kinh tế, công ty thương mại - dịch vụ,...

- Chuyên viên hoặc quản lý tại các doanh nghiệp cung cấp giải pháp thương mại điện tử, giải pháp kinh doanh trên nền tảng số;
- Chuyên viên quản trị website cho các tổ chức hoặc doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, giảng dạy về Kinh tế số, Kinh doanh số tại các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Cao đẳng.

3.2. Chuẩn đầu ra

3.2.1. Về kiến thức

a) Kiến thức chung của Học viện Chính sách và Phát triển

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b) Kiến thức chuyên sâu

[6]. Có sự am hiểu về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

[7]. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.

[8]. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

[9]. Biết vận dụng các kiến thức về dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu để phục vụ cho quá trình chuyển đổi số cũng như các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

3.2.2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Kỹ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong xây dựng, tổ chức, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trong thời đại số;

[11]. Kỹ năng vận dụng thành thạo về công nghệ thông tin và công nghệ số nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc.

b) Kỹ năng mềm

[12]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[14]. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng đưa ra được kết luận về chuyên môn ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

[16]. Sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số được mô tả như sau:

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	x															
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x															
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x															
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x															
5	THLS07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x															
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x		x							x	x			
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		x														
8	TOĐC06	Tin học đại cương			x				x									
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2												x				
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3												x				
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4												x				

11	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			X		X										
12	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			X		X										
13	TOCC01	Toán cao cấp			X												
14	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			X												
15	NNCS01	<i>Tiếng Anh cơ bản 1</i>											X				
16	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng</i>													X		
17	GDTC01	<i>Giáo dục thể chất 1</i>													X		
18	GDTC02	<i>Giáo dục thể chất 2</i>													X		
19	GDTC03	<i>Giáo dục thể chất 3</i>													X		
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc																	
20	KTKD01	Lập trình căn bản			X				X								
21	TOKT05	Kinh tế lượng			X							X					
22	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			X		X	X									
23	TCKT01	Nguyên lý kế toán			X		X	X									

24	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD									X	X		X	X			
25	ĐNQT03	Kinh tế quốc tế 1					X	X		X								
26	KHMA04	Marketing căn bản					X	X		X								
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																		
27	QTHO06	Quản trị học					X								X			
28	QTCC01	Quan hệ công chúng					X								X			
29	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu			X				X		X							
30	PTDL05	Nhập môn lập trình PTDL với R và Python			X				X		X							
31	ĐNTM08	Thương mại quốc tế					X	X									X	
32	LUKT01	Pháp luật kinh tế		X			X										X	
2.2. Kiến thức ngành																		
2.2.1. Ngành bắt buộc																		
33	KTKD01	Lý thuyết Kinh tế số			X								X				X	
34	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý							X								X	
35	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế					X	X									X	
36	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu			X				X									

37	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp					x		x								x	
38	QTKD14	Thương mại điện tử																
39	QLCD01	Chuyên đề thực tế			x	X	x		x				x		x			x
2.2.2. Ngành tự chọn																		
40	TCKH04	Kế toán tài chính			x		x					x					x	
41	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính			x		x					x		x			x	
42	TCCK25	Thị trường chứng khoán			x		x					x						
43	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo			x		x					x					x	
44	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số							x	x		x	x				x	
45	KTKD09	Thanh toán điện tử						x	x	x					x			
46	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính			x				x									
2.3. Kiến thức chuyên ngành																		
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																		
46	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử			x		x				x						x	
47	KTKD05	Chuyển đổi số								x	x		x		x		x	

48	QTDM01	Marketing số						x				x	x				x	
49	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số						x		x	x		x				x	
50	KTKD08	Công nghệ tài chính (Fintech)			x			x		x	x						x	x
51	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử							x	x		x	x					x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																		
52	KTKD11	Khoa học quản lý														x	x	
53	PTDL14	Blockchain trong quản lý														x	x	
54	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện																
55	QTCL01	Quản trị chiến lược			x			x				x	x					
56	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng			x			x				x	x					
57	PTDL10	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh							x		x	x	x	x			x	
58	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với R							x		x	x	x	x			x	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp					x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ.

3.4. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

Phương thức tuyển sinh:

a) Phương thức xét tuyển thẳng

Theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phương thức xét tuyển riêng

- Xét tuyển thẳng:

+ **Đối tượng 1:** Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện

+ **Đối tượng 2:** Thí sinh học tại các trường chuyên, có điểm trung bình chung học tập lớp 12 từ 7,0 trở lên.

+ **Đối tượng 3:** Thí sinh học tại các trường THPT có điểm trung bình chung học tập lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên hoặc tương đương (*TOEIC 450, TOEFL: 450 ITP; 133 CBT; 45 iBT; ...*)

- Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung học tập 03 học kỳ:

+ *Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình cộng (TBC) của điểm trung bình chung học tập 03 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và HK1 lớp 12) từ 7,0 trở lên.*

+ *Điểm xét tuyển = (TBCHK1 lớp 11 + TBCHK2 lớp 11 + TBCHK1 lớp 12 + điểm ưu tiên nếu có)/3.*

- Xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện:

+ *Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của Môn Toán và 2 môn bất kỳ (trong số các môn: Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lý) từ 21,0 điểm*

- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các tổ hợp xét tuyển như sau:

- Toán, Vật Lý, Hóa học
- Toán, Vật Lý, Tiếng Anh

- Toán, Vật Lý, Ngữ Văn
- Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh

c) *Chỉ tiêu tuyển sinh*

Năm đầu tuyển sinh dự kiến 60 sinh viên; năm thứ 2 và thứ 3 sẽ tăng lên 100 sinh viên.

3.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

3.6. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

3.7. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	29-30	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	26	9	20.0%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	6	2	4.6%
2.2. Kiến thức ngành	29	10	22.3%
2.2.1. Ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8-9	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	18	6	13.8%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	6	2-3	4.6%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	44-45	100%

3.8. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC &QP)				41	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2	
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam	2	
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	

7	THLG01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt nam	3	
8	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về mạng và internet; tin học văn phòng.	3	
9	NNCS01	Tiếng Anh cơ sở 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học	3	<i>Không tính điểm</i>
10	NNCS02	Tiếng Anh cơ sở 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1	3	
11	NNCS03	Tiếng Anh cơ sở 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
12	NNCS04	Tiếng Anh cơ sở 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
13	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	

14	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
15	TOCC01	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3	
16	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	Không tính điểm
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				89	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				26	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc				20	
21	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ	3	

22	QTMC02	Marketing căn bản	Người học sẽ nắm được những kiến thức Marketing, quan điểm về Marketing, các loại môi trường marketing, đặc điểm để phân biệt các loại môi trường, oại hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng, các loại sản phẩm và chu kỳ sống của sản phẩm,...	3	
23	KTKD01	Lập trình căn bản	Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong lập trình, các thuật toán cơ bản, hướng dẫn sinh viên phương pháp tư duy trong lập trình như: tuần tự, chọn lựa, lặp...	3	
24	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán,...	3	
25	PTDL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Power BI.	3	
26	TOKT05	Kinh tế lượng	Sinh viên cần nắm được cách xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi,...	3	
27	DNQT02	Kinh tế quốc tế 1	Sinh viên cần nắm được quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ	2	

			giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới.		
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn				6	
28	QTCC01	Quan hệ công chúng	Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ công chúng (PR). Trong tâm của môn học, nhấn mạnh vai trò của quan hệ công chúng trong tổ chức và lịch sử phát triển cũng như những quan niệm, các học thuyết, thực tiễn cũng như khía cạnh quản trị của PR.	3	
29	QTKD13	Quản trị học	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp	3	
30	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế.	3	
31	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	học phần này, học viên sẽ được tiếp cận về lý thuyết đồ thị, đồ thị ngẫu nhiên, không gian nhiều chiều, các quá trình ngẫu nhiên Gauss nhiều chiều, chuỗi Markov và quá trình Poisson, bước ngẫu nhiên, mô phỏng Monte-Carlo của các số	3	

			ngẫu nhiên,...		
32	PTDL05	Nhập môn lập trình PTDL với Python	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình PyThon và sử dụng PyThon để xử lý phân tích dữ liệu ở mức độ cơ bản.	3	
31	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, doanh nghiệp.	3	
2.2. Kiến thức ngành				29	
2.2.1. Ngành bắt buộc				20	
32	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin quản lý bao gồm: Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin quản lý, phát triển hệ thống thông tin quản lý, quản lý nguồn lực hệ thống thông tin và các hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.	3	
33	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế số, nền kinh tế số, cách thức đo lường kinh tế số cũng như cách thức để quản lý, phát triển nền kinh tế số của mỗi quốc gia.	3	
34	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	Môn học giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà	3	

			nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế, các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư trực tiếp sang nước ngoài, các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế.		
35	TOHQ12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Sinh viên sẽ nắm được bảng dữ liệu, truy vấn, mẫu biểu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server; các tiện ích, các đối tượng trong cơ sở dữ liệu và việc sử dụng ngôn ngữ T-SQL để lập trình, quản lý cơ sở dữ liệu.	3	
36	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về doanh thu, lợi nhuận, chi phí, dòng tiền của doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính doanh nghiệp	3	
37	QTKD14	Thương mại điện tử	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn và bảo mật.	3	
39	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho quản lý kinh tế hoặc phát triển kinh doanh	2	
2.2.2. Ngành tự chọn				9	

40	TCKH04	Kế toán tài chính	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong kế toán chuyên sâu của một doanh nghiệp.	3	
41	TCNH25	Thị trường chứng khoán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về thị trường chứng khoán phi tập trung; nghiệp vụ thị trường chứng khoán; phân tích chứng khoán	3	
42	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông số. Nội dung môn học bao hàm: tổng quan về mạng máy tính, các thiết bị mạng thông dụng và các loại môi trường truyền thông, các kiến thức về mạng LAN, quy trình thiết kế mạng LAN và việc quản trị mạng	3	
43	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Sinh viên cần nắm được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Qua đó, học viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể.	3	
44	KTKD03	Thanh toán điện tử	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi vào các loại hình thanh toán thông qua môi trường Internet bao gồm: Thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử.	3	
45	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Sinh viên cần nắm được kiến thức và kỹ năng đọc hiểu và phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông	3	

			qua bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh hay báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.		
46	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Cung cấp các kiến thức lý thuyết nâng cao về phân tích chuỗi thời gian và các kỹ thuật cần thiết để phân tích thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính là AR, MA, ARIMA.	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành				24	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc				18	
47	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về web tĩnh, web động, ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ kịch bản DHTML, ngôn ngữ lập trình web động PHP.	3	
48	QTDM01	Marketing số	Môn học Marketing số giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing...	3	
49	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	Mô hình kinh doanh đóng vai trò trung gian, nếu thiết kế tốt sẽ kết nối được hai lĩnh vực đầu vào kỹ thuật và đầu ra kinh tế, có tác động nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các mô hình kinh doanh trong thời đại số như B2B, B2C, C2C.	3	
50	KTKD08	Công nghệ tài chính	Học viên sẽ tiếp cận được ứng dụng của công nghệ trong hoạt	3	

			động tài chính như thanh toán điện tử (e-payments), hợp đồng thông minh (smart contract). Ngoài ra, học viên cần nắm được tiền mã hóa, phục vụ cho các hoạt động thanh toán hiện nay.		
51	KTKD05	Chuyển đổi số	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự cần thiết và quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số; biết cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.	3	
52	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử gồm: kiến thức tổng quan về thương mại điện tử và an toàn thông tin, các nguy cơ về gian lận và mất an toàn thông tin trong thương mại điện tử, các hình thức tấn công mạng trong thương mại điện tử, các giải pháp để đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử.	3	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn				6	
53	KTKD09	Khoa học quản lý	Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin	2	

			quản lý, quyết định quản lý...		
54	KTKD10	Truyền thông đa phương tiện	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tiếp cận quá trình giao tiếp giữa các đối tượng trong các môi trường đa phương tiện ứng dụng tích hợp âm thanh, hình ảnh, phim, ... Đồng thời cung cấp sinh viên những hiểu biết và triển khai các ứng dụng đa phương tiện trên nền Internet, phục vụ đa dạng công tác truyền thông cho đơn vị mình đang công tác.	2	
55	PTDL14	Blockchain trong quản lý	Sinh viên cần nắm được khái niệm cơ bản về công nghệ blockchain, nguyên lý hoạt động của blockchain, quy trình triển khai công nghệ blockchain, lợi ích của công nghệ blockchain và những ứng dụng của công nghệ blockchain trong việc xây dựng chính phủ số cũng như quản lý chuỗi cung ứng (logistics)	2	
56	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	Sinh viên sẽ được học các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay.	3	
57	QTCL01	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay.	3	
58	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với R	Học phần này cung cấp cho người học các phương pháp xử lý dữ liệu,	3	

			tổng hợp, kiểm định thống kê và thuật toán máy học trên phần mềm R với cú pháp dễ dàng thao tác và thân thiện với người dùng.		
59	PTDL10	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh	Môn học này nhằm giới thiệu quá trình khám phá tri thức, các khái niệm, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. Ngoài ra, môn học này cũng trình bày các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, các tác vụ khai phá dữ liệu, các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu mà có thể được dùng hỗ trợ nhà phân tích dữ liệu và nhà phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu.	3	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10	
60	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4	
61	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp		6	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)				130	

PHÂN CHIA CTĐT THEO CÁC HỌC KỲ

Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3
2	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3
3	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3
4	TOĐC06	Tin học đại cương	3
5	TOCC05	Toán cao cấp	3
6	THML04	Triết học Mác - Lênin	3
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

Học kỳ 2:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	3
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3

4	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
5	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3
6	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8

Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
2	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3
3	KTKD01	Lập trình căn bản	3
4	TOKT05	Kinh tế lượng	3
5	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD	3
6	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3
8	ĐNQT03	Kinh tế quốc tế 1	2

Học kỳ 4:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
2	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3
3	QTM02	Marketing căn bản	3
4	QTHO06	Quản trị học	Chọn 1 trong 2
5	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	
6	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3
7	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
8	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	3

Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3
2	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3
3	QTKD14	Thương mại điện tử	3
4	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3
5	QTCC01	Quan hệ công chúng	Lựa chọn 3 trong 6 học phần
6	PTDL05	Nhập môn lập trình PTDL với Python	
7	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	
8	KTKD09	Thanh toán điện tử	
9	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	
10	TCKH04	Kế toán tài chính	

Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2
2	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3
3	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	3
4	KTKD07	An toàn và bảo mật TMĐT	3
5	KTKD08	Công nghệ tài chính	3
6	PTDL12	Blockchain trong quản lý	Lựa chọn 2 trong 4 học phần
7	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	
8	PTDL09	Khai phá dữ liệu cho phân tích KD	
9	QTCL01	Quản trị chiến lược	

Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3
2	KTKD10	Mạng máy tính và truyền thông số	3
3	KTKD05	Chuyển đổi số	3
4	QTDM01	Marketing số	3
5	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	Lựa chọn 2 trong 4 học phần
6	KTKD11	Khoa học quản lý	
7	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với R	
8	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	

Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	4
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	6